

Số: 05 /BC-BCĐ

Gia Lai, ngày 09 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2024
và 11 tháng đầu năm 2025**

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRONG NĂM 2024 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 TẠI TỈNH GIA LAI

Gia Lai là một tỉnh miền núi và ven biển nằm ở khu vực Nam Trung Bộ, miền Trung Việt Nam, có diện tích tự nhiên là 21.576,53 km² (đứng thứ hai cả nước, sau tỉnh Lâm Đồng) trong đó: Bình Định (trước sáp nhập) có diện tích 6.066,4 km² và Gia Lai (cũ) có diện tích 15.510,13 km². Sau sắp xếp, tỉnh Gia Lai có 135 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 110 xã và 25 phường. Dân số toàn tỉnh 3.270.279 người với 839.309 hộ, trong đó đồng bào DTTS 180.136 hộ (chiếm 21,46% số hộ) với 809.628 người (chiếm 24,76% dân số). Tổng số hộ nghèo qua rà soát cuối năm 2024: 28.369 hộ (chiếm 3,38% tổng số hộ), trong đó DTTS: 23.262 hộ (chiếm 12,91%); tổng số hộ cận nghèo: 44.230 hộ (chiếm 5,27% tổng số hộ), trong đó DTTS: 29.156 hộ (chiếm 16,19%).

Trong những năm qua, mặc dù một số thời điểm gặp khó khăn, thách thức do tình hình dịch bệnh, thiên tai, bão lũ, nắng nóng, khô hạn diễn biến phức tạp, nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban đại diện HĐQT NHCSXH, sự hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH) và các sở, ngành liên quan, đã tập trung được nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, điều phối, thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trong năm 2024 và 11 tháng đầu năm 2025

Để thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý

các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025¹; ban hành Quy chế hoạt động, ban hành chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Sau sắp xếp, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 23/7/2025; Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 09/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/7/2025; Ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 12/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 31/7/2025.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, triển khai thực hiện Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 01/7/2025 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản số 376/SNNMT-NTM ngày 17/7/2025 đề nghị kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã. Đến nay, hầu hết các xã đã kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn để thực hiện các Chương trình MTQG tại các xã, phường sau khi sắp xếp.

2. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; rà soát, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở các quy định, văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, nhất là trao quyền cho người dân tham gia các dự án, tạo được sự công khai, công bằng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn. Công tác quản lý, điều hành Chương trình được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ tỉnh tới địa phương.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025 rất quan tâm, quyết liệt chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG, trong đó xác định Chương trình MTQG là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong năm. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành các Chương trình MTQG hiện nay là một trong những nội dung trọng tâm tại các phiên họp thường kỳ hàng tháng. Tại các phiên họp đều có báo cáo đánh giá, trao đổi, thảo luận về tình hình thực hiện các Chương trình MTQG để có định hướng và chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản đề đẩy mạnh triển khai thực hiện và giải ngân các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh².

3. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng,

¹ Tỉnh Gia Lai (trước đây): Quyết định 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh; kiện toàn tại Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh; Tỉnh Bình Định (trước đây): Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh; kiện toàn tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh.

² Văn bản: số 807/UBND-NC ngày 23/07/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn năm 2025 các Chương trình MTQG gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1975/UBND-NC ngày 14/08/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia; số 5113/UBND-NC ngày 17/10/2025 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh 03 tháng cuối năm 2025

chính sách, pháp luật của nhà nước

Các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã phối hợp chặt chẽ trong hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các Chương trình MTQG, đặc biệt trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, phân bổ và điều chuyển vốn, cũng như phối hợp triển khai các dự án, tiểu dự án. Các văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời; việc rà soát văn bản còn thiếu và tổng hợp khó khăn, vướng mắc được thực hiện thường xuyên để kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ.

Lãnh đạo UBND các xã, phường xác định triển khai Chương trình MTQG là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Chỉ đạo cấp xã, phường được kiện toàn, phân công nhiệm vụ phù hợp với nhân sự hiện có. Các địa phương chủ động phối hợp với sở, ngành để rà soát, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm xử lý vướng mắc; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh và báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

Các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý khó khăn vướng mắc, bảo đảm thực hiện theo kế hoạch; ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện các Chương trình MTQG³. Kết quả giám sát cho thấy cơ bản đáp ứng chỉ tiêu, mục tiêu theo Nghị quyết HĐND tỉnh, một số tồn tại, vướng mắc đã được các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn, khắc phục đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình MTQG.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG

1.1. Kế hoạch vốn

1.1.1. Năm 2024:

a) Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 798,9 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 539,3 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 435,8 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 103,5 tỷ đồng).

- Tỉnh Bình Định (trước đây): 139,57 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 107,84 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 31,73 tỷ đồng).

- Tỉnh Gia Lai (trước đây): 399,77 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 327,98 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 71,78 tỷ đồng).

³ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 26/KH-SNNMT ngày 21/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số 10/KH-SDTTG ngày 25/8/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT năm 2025.

- Ngân sách tỉnh: 259,6 tỷ đồng.
- Tỉnh Bình Định (trước đây): 85,79 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 74,13 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 11,66 tỷ đồng).
- Tỉnh Gia Lai (trước đây): 173,84 tỷ đồng.
- b) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 736,21 tỷ đồng.
- Tỉnh Bình Định (trước đây): 364,32 tỷ đồng;
- Tỉnh Gia Lai (trước đây): 371,89 tỷ đồng (trong đó: bao gồm cả kế hoạch vốn năm 2022, năm 2023 chuyển sang), trong đó vốn đầu tư 139,78 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 232,11 tỷ đồng.

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: 1.099,51 tỷ đồng.

+ Ngân sách Trung ương: 954,97 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu tư: 545,39 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp 409,582 tỷ đồng);

+ Ngân sách tỉnh: 144,54 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu tư: 98,34 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp 46,19 tỷ đồng).

1.1.2. Năm 2025: Tổng kế hoạch vốn là **3.000,182 tỷ đồng** (vốn đầu tư phát triển là 1.713,687 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 1.286,495 tỷ đồng), cụ thể như sau:

a) Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 826,954 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 661,216 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 165,738 tỷ đồng).

- Ngân sách Trung ương: 631,885 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 490,138 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 141,747 tỷ đồng). Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 195,069 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 171,078 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 23,991 tỷ đồng).

b) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 604,45 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 147,1 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 457,346 tỷ đồng). Gồm:

- Ngân sách Trung ương: 547,371 tỷ đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 129,415 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 417,956 tỷ đồng);

- Ngân sách tỉnh: 57,077 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 17,686 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 39,390 tỷ đồng).

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: 1.568,780 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 905,370 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 663,410 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 1.292,714 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 694,751 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 597,964 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 276,066 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 210,619 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 65,447 tỷ đồng.

1.2. Giải ngân 03 chương trình

1.2.1. Năm 2024: đã thực hiện và giải ngân là **2.162,62 tỷ đồng**, cụ thể như sau:

- a) Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 792,04 tỷ đồng.
 - Ngân sách Trung ương: 532,41 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 433,76 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 98,64 tỷ đồng), trong đó:
 - + Tỉnh Bình Định (trước đây): 132,64 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 105,78 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 26,86 tỷ đồng).
 - + Tỉnh Gia Lai (trước đây): 399,77 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 327,98 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 71,78 tỷ đồng).
 - Ngân sách tỉnh: 259,63 tỷ đồng, trong đó:
 - + Tỉnh Bình Định (trước đây): 85,79 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 74,13 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 11,66 tỷ đồng).
 - + Tỉnh Gia Lai (trước đây): 173,84 tỷ đồng

b) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: đã thực hiện và giải ngân 593,57 tỷ đồng.

- + Tỉnh Bình Định (trước đây): đã thực hiện và giải ngân 298,049 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 81,8% kế hoạch vốn giao (298,049 tỷ đồng/364,317 tỷ đồng). Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 95,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 70,6%.
- + Tỉnh Gia Lai (trước đây): đã thực hiện và giải ngân 295,524 tỷ đồng, đạt 79,46% kế hoạch.

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: 777,01 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 506,79 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp 270,22 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 664,437 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 427,56 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp 236,88 tỷ đồng;
- Ngân sách tỉnh: 112,569 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 79,23 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 33,34 tỷ đồng.

1.2.2. Năm 2025: đã thực hiện và giải ngân là **1.176,032 tỷ đồng** (vốn đầu tư phát triển là 964,912 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 211,119 tỷ đồng), cụ thể như sau:

- a) Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 486,345 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 424,024 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 62,321 tỷ đồng).
 - Ngân sách Trung ương: 411,121 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 354,464 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 56,657 tỷ đồng). Trong đó:
 - Ngân sách địa phương: 75,224 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 69,560 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 5,664 tỷ đồng).
- b) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 134,478 tỷ đồng (vốn đầu tư là 64,742 tỷ đồng; nguồn sự nghiệp là 64,735 tỷ đồng).
 - Ngân sách Trung ương: 119,491 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 60,627

tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 58,865 tỷ đồng). Trong đó:

- Ngân sách địa phương: 14,986 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 9,116 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 5,869 tỷ đồng).

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: 555,209 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 471,145 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 84,063 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 440,313 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 360,725 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 79,588 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: 114,896 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 110,420 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 4,475 tỷ đồng.

(có Phụ lục chi tiết giải ngân vốn năm 2025 kèm theo)

2. Công tác truyền thông, phối hợp

2.1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Công tác truyền thông đã góp phần nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính trị và tạo chuyển biến về nhận thức, đồng thuận xã hội trong thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS&MN. Các hoạt động triển khai gồm: tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật; mở 22 lớp tập huấn cho khoảng 2.200 già làng, trưởng thôn, chức sắc và người có uy tín; lắp đặt 500 áp phích và phối hợp cơ quan báo chí thực hiện 25 bài, phóng sự tuyên truyền. Đồng thời tổ chức 5 hội nghị phổ biến pháp luật; các hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho 440 công chức và lực lượng tại cơ sở. Công tác trợ giúp pháp lý được đẩy mạnh với 12 chuyên đề phổ biến pháp luật, 20 hội nghị tập huấn, xây dựng 1 phóng sự chuyên đề và biên soạn, cấp phát 16.200 tờ gấp về chính sách trợ giúp pháp lý tại 162 xã vùng DTTS&MN.

2.2. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo đã được đa dạng hóa cả về hình thức và nội dung, hàng năm các ngành, đoàn thể tỉnh và địa phương cũng lồng ghép vào kế hoạch ngành để tuyên truyền về chế độ, chính sách giảm nghèo đến người dân, cán bộ các cấp và hộ nghèo, hộ cận nghèo; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 với nhiều hình thức đa dạng phù hợp với thực tế của địa phương.

2.3. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

Năm 2024, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nội dung và nhiệm vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; phản ánh kết quả triển khai, nguyện vọng của người dân và giới thiệu các mô hình, điển hình tiêu biểu. Năm 2025, chuyên mục “Nông thôn mới, xây

dựng đô thị văn minh” được phát sóng định kỳ; sản xuất 1 phóng sự phục vụ Hội nghị tổng kết Chương trình; biên soạn và phát hành 797 cuốn cẩm nang sản phẩm OCOP Gia Lai. Sở cũng phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền theo từng địa bàn, tiêu chí, nhấn mạnh vai trò chủ thể của người dân, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

3. Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG

- Ban chỉ đạo Chương trình đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các xã và phối hợp với Sở, ngành tỉnh hướng dẫn địa phương thực hiện đạt các chỉ tiêu trong năm. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN thành lập đoàn và tổ chức kiểm tra, giám sát tại 40 xã trên địa bàn tỉnh.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo được phân công thuộc các Sở, ngành lồng ghép công tác kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới vào chương trình công tác hàng năm và trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa bàn được phân công phụ trách. Ngoài ra, hàng năm, Ban Chỉ đạo các cấp đều thành lập Đoàn và tổ chức kiểm tra, giám sát theo nội dung yêu cầu; nhìn chung, qua kiểm tra, giám sát, đã kịp thời tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

4. Kết quả triển khai thực hiện chi tiết từng Chương trình MTQG

4.1. Kết quả triển khai, thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT

- **Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:** Từ đầu năm 2024 đến nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh Đã thực hiện hỗ trợ: đất ở 05 hộ; nhà ở 1.565 hộ; 2.375 hộ chuyển đổi nghề; nước sinh hoạt phân tán 3.837 hộ; 12 công trình nước sinh hoạt tập trung cho 2.609 hộ thụ hưởng.

- **Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:** Trên địa bàn tỉnh có 22 dự án bố trí, ổn định dân cư, trong đó có 08 dự án đã hoàn thành, (tại xã Chư A Thai; Xã Đất Bằng; xã Ia Le; xã Ia Hla và xã Ia Blứ; xã Vĩnh Sơn; xã An Vinh; xã An Toàn; xã Ân Tường). 14 dự án đang thực hiện bồi thường thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, xây dựng, thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng.

- **Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị:**

+ Theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, toàn tỉnh đã triển khai thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 110.258,599 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng là 25.702,05 ha.

+ Thực hiện 05 dự án liên kết chuỗi giá trị cho 534 hộ; Thực hiện 293 dự án đa dạng hóa sinh kế cộng đồng cho 3.639 hộ.

+ Hỗ trợ 02 mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; tổ chức 23 hội chợ, phiên chợ giới thiệu sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN; tham gia 01 hội chợ nông sản vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức 17 lớp tập huấn/979 học viên; 01 hội nghị xúc tiến đầu tư nhằm thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; và tổ chức các hoạt động tuyên truyền vùng đồng bào DTTS&MN khác.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc:

+ Về đầu tư cơ sở hạ tầng: đã đầu tư cứng hoá đường liên xã 53km; 289 công trình giao thông; 62 công trình văn hóa, 20 công trình trường học; 8 công trình điện; 4 công trình y tế và 31 công trình thủy lợi nhỏ.

+ Về duy tu bảo dưỡng các công trình: Đã sửa chữa thanh toán 172 công trình giao thông, 28 công trình giáo dục (sân tường rào, mái che, phòng học...), 12 công trình văn hóa và 12 công trình nước sinh hoạt.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới chợ vùng DTTS&MN: đã triển khai xây mới 03 chợ tại vùng đồng bào DTTS&MN gồm: huyện Krông Pa, huyện Ia Grai và huyện Phú Thiện.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Thực hiện đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 36 trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú.

+ Về xóa mù chữ: UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 276 lớp xóa mù chữ; Số học viên hoàn thành Chương trình Xóa mù chữ giai đoạn 1: 3.897 người, trong đó số học viên người DTTS 3.862 người. Tổ chức mở 21 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3, 4 với khoảng 1.340 học viên tham; Tổ chức 17 lớp dạy tiếng DTTS là tiếng Jrai, Bahnar với 680 học viên tham.

+ Triển khai ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với Trường Đại học Huế, Trường Đại học Phú Yên với số lượng 24 sinh viên, thanh toán kinh phí đào tạo năm học 2024-2025. Năm 2025, đã thanh toán học kỳ 2 năm học 2024-2025 cho 05 trường đại học với số lượng 130 sinh viên.

+ Các địa phương đã tổ chức triển khai mở 84 lớp đào tạo nghề cho 2.415 học viên. Triển khai 45 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp từ tỉnh đến xã, thôn với 2.466 lượt học viên tham dự; tổ chức 9 đợt học tập, trao đổi kinh nghiệm thực hiện Chương trình với 349 lượt đại biểu tham gia.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch:

+ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh và các địa phương tiến hành khảo sát, điền dã, tổ chức thu thập phiếu cung cấp

thông tin về di sản văn hoá phi vật thể của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, qua đó đã thu được 1.000 phiếu cung cấp thông tin, ở 7 loại hình với 51 di sản.

+ Xây dựng và nâng cấp, cải tạo 45 công trình văn hóa, đã hoàn thành 08 công trình; hỗ trợ đầu tư xây dựng 05 điểm đến du lịch tiêu biểu.

+ Tổ chức 05 lớp truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể cho 35 học viên người Bahnar, Jrai do các NNUT trực tiếp truyền dạy. Tổ chức 06 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể (chỉnh chiêng) cho 73 học viên (25 Bahnar, 48 Jrai) trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2024 đến nay đã tổ chức 46 buổi trình diễn công chiêng tại Quảng trường Đại Đoàn Kết và các huyện: An Khê, Ia Pa, Đức Cơ, Đak Đoa, Chư Păh vào tối thứ 7 hằng tuần và ngày lễ.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tổ chức chương trình trình diễn, giao lưu trải nghiệm đối với Trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt tại Làng Trẻ em SOS Pleiku và Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Gia Lai; chiến sĩ bộ đội tại Trung đoàn 48 thuộc Sư đoàn 320; học sinh tại trường Trung học phổ thông Pleiku; Nhân dân và du khách đến xã Chư Đăng Ya. Đến nay, Sở đã tổ chức 10 buổi trình diễn.

+ Tổ chức Hội thi thể thao trong chương trình Tuần lễ Hoa Dã Quỳ - Núi lửa Chư Đăng Ya năm 2024 tại làng Ia Gri, xã Chư Đăng Ya, huyện Chư Păh. Tham dự Hội thi có 158 vận động viên đến từ 10 xã, thị trấn trên địa bàn. Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hoá, thể thao tại 11 Nhà văn hoá, khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS&MT.

+ Tổ chức hội nghị giới thiệu các sản phẩm về văn hóa DTTS phục vụ quảng bá, xúc tiến du lịch tại vùng đồng bào DTTS; Tổ chức đoàn khảo sát cho báo chí, doanh nghiệp đến khảo sát điểm đến tại vùng đồng bào DTTS; Sản xuất phim quảng bá các điểm du lịch cộng đồng của đồng bào DTTS: Krông Pa- Khai mở tour du lịch cộng đồng..

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

Hoàn thành việc sửa chữa Nhà A2, đối với công tác xây mới Khu nhà A1 hiện tại đang thi công tầng 2 (nhà 4 tầng). Hỗ trợ kinh phí cho 176 điểm tiêm chủng ngoại trạm trên địa bàn 12 huyện thực hiện chi trả phụ cấp cho 27 Cô đỡ thôn bản. Các Trung tâm Y tế huyện đã tổ chức 287 hội nghị truyền thông, tư vấn về khám sức khỏe trước kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh với 8.942 người tham dự; triển khai 398 hội nghị lồng ghép khám, sàng lọc bệnh ở người cao tuổi với 15.850 đại biểu; in ấn 86.000 tờ gấp tuyên truyền và tổ chức nhiều hội nghị truyền thông chuyên đề tại các địa bàn khó khăn. Công tác khám sức khỏe, sàng lọc được thực hiện cho 632 người chuẩn bị kết hôn, 573 thai phụ, 325 trẻ sơ sinh và 2.895 người cao tuổi. Về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, đã tổ chức 2 lớp mô hình 1.000 ngày đầu đời, cấp bổ sung đa vi chất cho trẻ, viên sắt/đa vi chất cho phụ nữ mang thai, điều trị suy dinh dưỡng và giám sát chuyên môn tại 36 trạm y tế. Công tác đào tạo, tập huấn được triển khai với 3 lớp cho 542 viên chức, cộng tác viên dân số; 4 lớp cho 86 cô đỡ thôn bản; 2 lớp cho 58 cán bộ xã; đồng thời hỗ trợ chăm sóc tại nhà cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, cấp trang thiết bị và giám sát các hoạt

động chuyên môn tại địa phương.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em:

Các hoạt động tuyên truyền, vận động được tăng cường với các chiến dịch về sinh đẻ an toàn, làm mẹ an toàn, bình đẳng giới, phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết, thu hút hàng nghìn hội viên tham gia; thành lập mới 92 tổ truyền thông cộng đồng, nâng tổng số lên 314 tổ; tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội nghị giao lưu, cấp phát hơn 62.000 tờ rơi và triển khai các gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh con an toàn, chăm sóc trẻ em. Công tác xây dựng mô hình được đẩy mạnh với 9 mô hình “Địa chỉ tin cậy” thành lập mới, 4 mô hình được củng cố; nhiều hội nghị truyền thông, tập huấn về phòng chống bạo lực gia đình và vận hành mô hình được tổ chức cho hàng trăm đại biểu. Vai trò, tiếng nói của phụ nữ và trẻ em tiếp tục được phát huy thông qua 57 hội nghị đối thoại chính sách, hoạt động truyền thông cộng đồng và việc thành lập 15 Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”. Công tác trang bị kiến thức bình đẳng giới được triển khai đồng bộ với 15 hội nghị tập huấn kỹ năng lồng ghép giới cho gần 1.700 cán bộ cơ sở và người có uy tín trong cộng đồng.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: Đã tổ chức 2 lớp tập huấn về tảo hôn cho 700 học sinh các trường Phổ thông dân tộc nội trú; 49 lớp tập huấn cho hơn 6.000 vị thành niên, thanh niên, phụ huynh và phụ nữ, nam giới DTTS nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Tổ chức 4 đoàn giao lưu văn hóa, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; xây dựng 10 cụm pano, 48 băng rôn và cấp phát hơn 22.000 sổ tay, 15.000 tờ rơi tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tiếp tục duy trì 5 Câu lạc bộ “Thanh niên nói không với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” và phối hợp các sở, ngành tổ chức truyền thông, tư vấn sức khỏe sinh sản tại 6 trường PTDTNT và bán trú trên địa bàn tỉnh.

4.2. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo (*huyện An Lão cũ, huyện Kông Chro cũ, gồm các xã: An Hoà, An Lão, An Toàn, An Vinh, Ya Ma, Kông Chro, Chư Krey, Chư Long, Đăk Song, Sró*): đã thực hiện 58 công trình: 27 công trình đã hoàn thành, 20 công trình đang thi công; 11 công trình đang phê duyệt dự án, kinh phí đã giải ngân 46,75 tỷ đồng, đạt 45% kế hoạch vốn. Dự kiến đến cuối năm phân đầu giải ngân 104,90 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Các xã, phường, đơn vị chủ trì liên kết (Hợp tác xã) tiếp tục thực hiện 92 dự án chuyển tiếp của năm 2024 với 1.607 hộ tham gia. Từ tháng 7 đến nay, sau khi thực hiện sắp nhập, xã, phường, đơn vị chủ trì liên kết (Hợp tác xã) đang triển khai thực hiện 95 dự án cho hơn 1.541 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khuyết tật không có sinh kế ổn định tham gia.

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

- Tiểu dự án 1: Các xã, phường tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2024, có 76 dự án phát triển sản xuất cộng đồng hỗ trợ cho 265 hộ nghèo, 216 hộ cận nghèo, 45 hộ thoát nghèo tham gia ở các dự án chăn nuôi bò, nuôi gà, heo, trâu cái giống, trồng dâu nuôi tằm. Năm 2025, đang triển khai các dự án phát triển sản xuất cộng đồng cho hơn 34 dự án, 581 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khuyết tật không có sinh kế ổn định tham gia.

- Tiểu dự án 2: Đã tư vấn dinh dưỡng cho 7.160 bà mẹ mang thai và nuôi con đến 2 tuổi; lập danh sách 1.640 trẻ trong diện tư vấn; tư vấn vi chất dinh dưỡng cho 12.268 trẻ từ 5–16 tuổi. Thực hiện bổ sung vi chất cho 134.892 trẻ từ 6–59 tháng tuổi, 2.929 trẻ từ 5 đến dưới 15 tuổi bị suy dinh dưỡng, thấp còi.

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

+ Đã triển khai 08 dự án: có 02 dự án hoàn thành, 03 dự án đang triển khai, 01 dự án đang chờ kết quả đấu thầu, 01 dự án chưa phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, 01 dự án dừng do sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, đề nghị hoàn trả kinh phí (vốn chuyển nguồn).

+ Tiểu dự án 1: Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung nhiệm vụ, đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã, phường phía Tây Gia Lai; nội dung Quy chế đào tạo nghề và tiếp nhận người học nghề vào làm việc tại Binh đoàn 15 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Tổ chức đào tạo nghề cho 4.743/6.274 người, đạt 76% so với kế hoạch.

+ Tiểu dự án 2: Hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Kinh phí hỗ trợ 2,955 tỷ đồng, hỗ trợ cho 06 xã: Krông Chro, Ya Ma, Chư Krey, Sró, Chơ Long thuộc huyện nghèo Krông Chro (trước đây) và 04 xã: An Hoà, An Lão, An Vinh, An Toàn thuộc huyện nghèo An Lão (trước đây) để thực hiện hỗ trợ đưa người lao động trên địa bàn xã nghèo đi làm việc ở nước ngoài. Từ đầu năm 2025 đến nay, trên địa bàn các xã nghèo đã có 49 lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và các thị trường khác.

+ Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: triển khai Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và phân tích, dự báo thị trường lao động trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 02 hội nghị tập huấn, hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư năm 2025 cho cán bộ, công chức 135 xã, phường; Đã tổ chức 53 phiên giao dịch việc làm, thu hút 3.317 người tham gia. Biên soạn 1.500 cuốn “Hỏi - Đáp về việc làm”, 1.400 sổ tay “Thông tin thị trường lao động”, thu thập thông tin 2.828 lao động và 137 doanh nghiệp có nhu cầu. Xuất bản 03 bản tin phân tích, dự báo thị trường lao động.

- **Dự án 5:** Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (trước đây), kinh phí bố trí 16,69 tỷ đồng, đã triển khai hỗ trợ 358 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (281 nhà xây mới, 77 nhà sửa chữa), giải ngân 10,79 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch.

- **Dự án 6:** Công tác truyền thông và giảm nghèo về thông tin đã giải ngân đạt 25,5% kế hoạch. Hiện 100% xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn và xã đảo đều có

hệ thống đài truyền thanh hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tuyên truyền và phục vụ quản lý, điều hành ở địa phương. Các đơn vị đã phối hợp cơ quan báo chí xây dựng phóng sự, biên soạn và phát hành tờ rơi, ấn phẩm truyền thông về Chương trình và chính sách giảm nghèo; lắp đặt pano, băng rôn tuyên truyền tại thôn, làng. Công tác truyền thông chú trọng nêu gương điển hình, mô hình hiệu quả để nhân rộng, tạo động lực cho người dân, hộ nghèo và hộ cận nghèo phấn đấu vươn lên. Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” trên địa bàn.

- Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

+ Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Tổ chức 05 hội nghị tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 cho 911 lượt người; Tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn về giảm nghèo bền vững ở các nguyên nhân nghèo, chiều thiếu hụt và đề xuất giải pháp thoát nghèo năm 2025 trên địa bàn của 77 xã, phường (Gia Lai trước đây) cho 173 đại biểu. Triển khai 135 lớp tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 cho 4.725 đại diện các phòng, đơn vị thuộc UBND xã, phường.

+ Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025. Tổ chức Hội nghị phân giao chỉ tiêu cho 135 xã, phường toàn tỉnh và kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu được phân giao, trong đó có chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2024; đã chủ trì cùng với các Sở, ngành của tỉnh đi kiểm tra việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn các xã, phường sau sáp nhập; chỉ đạo, giải quyết những trường hợp vướng mắc để tháo gỡ kịp thời cho các địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của các dự án trên địa bàn trong năm 2025.

4.3. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

4.3.1. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới

a) Năm 2024

* Tỉnh Gia Lai (trước đây)

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: có 03/17 đơn vị cấp huyện, đạt tỷ lệ 17,6%.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: có 95/182 xã, đạt tỷ lệ 52,19%.

* Tỉnh Bình Định (trước đây)

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: có 07/11 đơn vị cấp huyện, đạt tỷ lệ 63,63%.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: đạt 94/113 xã, đạt tỷ lệ 83,2%.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: đạt 34/94 xã, đạt tỷ lệ 36,2%.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: đạt 04/94 xã, đạt tỷ lệ 4,2%.

b) Năm 2025

Trước sáp nhập (trước ngày 01/7/2025):

* Tỉnh Gia Lai (trước đây): có 03/17 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 95/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

* Tỉnh Bình Định (trước đây): có 07/11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 94/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 34/94 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 04/94 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Sau sáp nhập (sau ngày 01/7/2025):

Qua rà soát, toàn tỉnh có 110 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; trong đó có: 47/110 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 42,7%; 03/47 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 6,4%.

4.3.2. Kết quả công nhận sản phẩm OCOP của tỉnh

a) Năm 2024

- Tỉnh Gia Lai (trước đây): Toàn tỉnh có 454 sản phẩm gồm: 01 sản phẩm 05 sao (Mật ong Phương Di), 67 sản phẩm 4 sao và 386 sản phẩm 3 sao.

- Tỉnh Bình Định (trước đây): Toàn tỉnh có 497 sản phẩm OCOP, trong đó: 451 sản phẩm 3 sao (chiếm tỷ lệ 90,74%), 46 sản phẩm 4 sao (chiếm tỷ lệ 9,26%).

b) Năm 2025

Đến nay, toàn tỉnh có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP (còn hạn), trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng 3 sao (chiếm 86,75%), 123 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm 12,54%), 07 sản phẩm đạt hạng 5 sao (chiếm 0,71%); với tổng số 507 chủ thể OCOP, trong đó: 82 chủ thể là hợp tác xã (chiếm 16,17%), 81 chủ thể là công ty (chiếm 15,98%), 340 chủ thể là cơ sở sản xuất (chiếm 67,06%), 4 chủ thể là hội nông dân/làng nghề/tổ hợp tác (chiếm 0,79%).

5. Công tác tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương tổng hợp tình hình báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình với UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG; chủ động đề xuất, bổ sung điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ tổ chức sơ kết,

tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện: Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và phong trào thi đua “Vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá chung

Được sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh, sự tham gia tích cực của MTTQVN tỉnh cùng các tổ chức đoàn thể, việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh trong năm 2025, nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh đến nay đã tương đối đầy đủ, kịp thời tháo gỡ vướng mắc và thúc đẩy tiến độ thực hiện.

Việc triển khai các Chương trình MTQG cơ bản đáp ứng mục tiêu, nội dung theo yêu cầu Trung ương; kinh phí phân bổ phù hợp với điều kiện thực tế. Trong năm, tỉnh và các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể, huy động tất cả các nguồn lực để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

Tỷ lệ giải ngân chung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài) các Chương trình MTQG của tỉnh **đạt tỷ lệ 56,3%** so với kế hoạch vốn được giao, cao hơn bình quân chung cả nước (**tỷ lệ 48,9%**)⁴.

Nguồn lực đầu tư của các Chương trình đã tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững: hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; hỗ trợ chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi; góp phần ổn định dân cư, nâng cao thu nhập, giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố an ninh chính trị và khối đoàn kết dân tộc.

Nhìn tổng thể, các Chương trình MTQG đã làm thay đổi diện mạo nông thôn Gia Lai, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hạ tầng ngày càng hoàn thiện; sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; môi trường và đời sống văn hóa được cải thiện. Chương trình cũng phát huy vai trò chủ thể của người dân và tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, được ưu tiên tập trung nguồn lực để hoàn thành, nhất là các tiêu chí về nông thôn mới.

Cơ sở hạ tầng vùng đồng bào DTTS và miền núi tiếp tục được cải thiện rõ rệt: kênh mương, đường giao thông nông thôn được bê tông, nhựa hóa; trường học, trạm y tế được nâng cấp, một số công trình mới được xây dựng khang trang, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống văn hóa được quan tâm, diện mạo nông thôn đổi mới, môi trường được cải thiện. Văn hóa truyền thống được bảo tồn, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố; đội ngũ cán bộ người DTTS được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; công tác

⁴ Báo cáo số 598/BC-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện 03 Chương trình MTQG 10 tháng đầu năm 2025

kiểm tra, sơ kết, tổng kết các chính sách dân tộc được thực hiện thường xuyên. Đời sống vật chất, tinh thần và trình độ dân trí của đồng bào được nâng lên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách hỗ trợ các đối tượng thuộc chương trình MTQG. Các phong trào thi đua, hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang và doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ thúc đẩy phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới nói riêng và thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh nói chung.

* Về kết quả triển khai các Chương trình MTQG tại tỉnh (tính đến ngày 27/11/2025)

- Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện và giải ngân đạt 555,21 tỷ đồng, đạt 35,4% kế hoạch (trong đó, vốn ngân sách trung ương đạt 34,1%; vốn ngân sách địa phương đạt 41,6%). Đến nay tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS so với tổng số hộ đồng bào DTTS giảm so với năm 2024 là 5,6%; tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện hợp pháp khác phù hợp đạt 99,62%; tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,2% (Gia Lai trước đây), 68,43% (Bình Định trước đây); tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 97,8%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số đạt 49,7%...

- Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: trên địa bàn tỉnh đang thực hiện và giải ngân đạt 134,48 tỷ đồng, đạt 22,2% kế hoạch (trong đó, vốn ngân sách trung ương đạt 21,8%, vốn ngân sách địa phương đạt 26,3%). Kết quả rà soát cuối năm 2024, toàn tỉnh Gia Lai (mới) có 28.369 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,38%; 44.230 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,27%; 23.262 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 12,95% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số; Hộ nghèo tại các xã của huyện nghèo cũ 4.464 hộ chiếm tỷ lệ 19,55%. So với năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,08%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,64%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 5,49%⁵. Dự kiến kết quả rà soát cuối năm 2025, toàn tỉnh có 18.567 hộ nghèo, tỷ lệ 2,18%; 38.967 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 4,57%; 15.175 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 8,37% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số. So với năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,2%; đã có 9.802 hộ nghèo thoát nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,7%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 4,58%.

⁵ - Tỉnh Bình Định (trước đây): có 4.517 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,01%; 9.704 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 2,18%; 1.945 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 17,40% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

So với năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,12%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,84%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 21,75%. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo An Lão là 821 hộ, chiếm tỷ lệ 8,42%; tỷ lệ hộ nghèo giảm 13,27% so với năm 2023.

- Tỉnh Gia Lai (trước đây): có 23.852 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,06%; 34.526 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,77%; 21.317 hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 12,66% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

So với năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,05%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,44%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 4,39%. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo Kong Chro là 3.643 hộ, chiếm tỷ lệ 27,85%; tỷ lệ hộ nghèo giảm 5,93% so với năm 2023.

- Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: thực hiện và giải ngân đạt 486,34 tỷ đồng, đạt 58,8% kế hoạch (trong đó, vốn ngân sách trung ương đạt 65,1%, vốn ngân sách địa phương đạt 38,6%). Đến nay, qua rà soát, toàn tỉnh có 110 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; trong đó có: 47/110 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 42,7%; 03/47 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 6,4%. Trong năm 2025, đã tổ chức đánh giá, xếp hạng công nhận 135 sản phẩm đạt hạng OCOP; trong đó: có 102 sản phẩm 3 sao, 27 sản phẩm 4 sao và 06 sản phẩm 5 sao. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh Gia Lai có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP (còn hạn), trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng 3 sao (chiếm 86,75%), 123 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm 12,54%), 07 sản phẩm đạt hạng 5 sao (chiếm 0,71%); với tổng số 507 chủ thể OCOP, trong đó: 82 chủ thể là hợp tác xã (chiếm 16,17%), 81 chủ thể là công ty (chiếm 15,98%), 340 chủ thể là cơ sở sản xuất (chiếm 67,06%), 4 chủ thể là hội nông dân/làng nghề/tổ hợp tác (chiếm 0,79%).

2. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, vướng mắc chung

Mỗi chương trình có rất nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần nên việc triển khai thực hiện có sự lúng túng, bên cạnh đó Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững có nhiều nội dung trùng lặp. Việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện trong các năm trước, dẫn đến nguồn vốn kéo dài sang năm 2025 lớn, tạo áp lực giải ngân đáng kể đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong năm 2025. Qua rà soát, nguồn vốn, dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh các năm trước chuyển sang năm 2025 các chương trình mục tiêu quốc gia không còn đối tượng thực hiện, hết nhiệm vụ chi, không đảm bảo khả năng giải ngân và đề nghị hoàn trả rất lớn, tuy nhiên số đơn vị đề nghị bổ sung vốn, kinh phí rất ít, phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung.

Về giải ngân vốn đầu tư công, một số địa phương chưa thực sự chủ động thực hiện công tác rà soát, chuẩn bị thủ tục đầu tư ngay từ khâu lập kế hoạch, mất nhiều thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án nên chưa có khối lượng thanh toán. Ngoài ra, do đặc thù của vốn đầu tư công thường giải ngân mạnh vào cuối năm nên đến thời điểm báo cáo tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo yêu cầu.

Việc giải ngân vốn sự nghiệp còn thấp chủ yếu do các vướng mắc về đối tượng hỗ trợ, cơ chế quy định của các chương trình ràng buộc nhiều tiêu chí. Một số nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giảm nghèo bền vững không còn đối tượng hỗ trợ. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện, lựa chọn các dự án phát triển sản xuất ở các cấp còn chậm, kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

Việc phân định lại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn chưa thống nhất, vẫn áp dụng quy định trước sắp xếp tổ chức bộ máy nên khi xây dựng dự án trên địa bàn xã mới, các đối tượng thụ hưởng khác nhau dẫn đến sự so sánh giữa các hộ sinh sống trên cùng địa bàn của xã mới.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, cán bộ tham mưu triển khai thực hiện chương trình tại cấp xã có nhiều thay đổi. Cán bộ phụ trách mới chưa nắm được đầy đủ thông tin về nguồn vốn của các chương trình MTQG, do đó việc phối hợp báo cáo tình thực hiện và giải ngân gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện nguồn vốn. Một số đơn vị cấp dưới kết thúc hoạt động sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nên các cơ quan chủ trì các tiểu dự án thành phần không còn đối tượng để kiểm tra, giám sát.

Ngoài ra, cơn bão số 13 (tên quốc tế: Kalmaegi) đổ bộ vào tỉnh (đầu tháng 11/2025) và đợt mưa lũ lớn từ ngày 18-20/11/2025, đã gây thiệt hại nặng nề trên địa bàn tỉnh, các đơn vị, địa phương phải tập trung nhân lực, vật lực cho công tác khắc phục hậu quả. Do đó, trong thời gian này, một số hoạt động tập huấn, đào tạo, kiểm tra, giám sát thuộc Chương trình phải tạm dừng triển khai, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung.

2.2. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

Đối với kế hoạch vốn năm 2025, một số nguồn vốn Trung ương phân bổ từ tháng 6/2025⁶, ảnh hưởng đến việc phân giao kế hoạch và chậm triển khai thực hiện ở tỉnh; đồng thời cùng thời điểm thực hiện sắp xếp, triển khai chính quyền 02 cấp, nhiều đơn vị, địa phương thay đổi nhân sự, đầu mối triển khai thực hiện Chương trình dẫn đến khó khăn trong công tác nắm bắt các văn bản thực hiện, triển khai giải ngân vốn Chương trình.

Các quy trình chuyên môn, nghiệp vụ giữa hai địa bàn của tỉnh trước sắp xếp còn khác nhau nên sau sắp xếp, các cơ quan, đơn vị phải rà soát, thống nhất trước khi áp dụng đồng bộ. Một số nội dung trước đây do cấp huyện thực hiện khi chuyển giao quyết toán về xã phát sinh vướng mắc tài chính; ở một số xã mới, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa đồng bộ, việc triển khai văn bản chỉ đạo và đề xuất điều chỉnh vốn còn chậm.

Bên cạnh đó, địa bàn triển khai chương trình rộng, giao thông đi lại không thuận tiện. Một số phong tục, tập quán của người đồng bào DTTS dẫn đến khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe - dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, làm giảm mức độ tham gia của người dân và ảnh hưởng tiến độ giải ngân; việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong các dự án yêu cầu đóng góp, đối ứng còn hạn chế

2.3. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối giai đoạn 2021-2025 phần lớn là nhóm đối

⁶ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình MTQG (đợt 2)); Quyết định số 1411/QĐ-TTg ngày 29/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho một số địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3); Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

tượng bảo trợ xã hội, hộ có người ốm đau bệnh nặng, hộ không có lao động nên việc tạo ra thu nhập để ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo là hết sức khó khăn. Tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo do gặp các rủi ro, thiên tai, bệnh tật vẫn còn phát sinh, nhất là tại các vùng đồng bào DTTS và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Một số dự án phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị tại Dự án 2 và Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc chương trình có thời gian thực hiện nhiều tháng, việc giải ngân kinh phí phải căn cứ theo tiến độ thực hiện dự án nên thời điểm giải ngân rơi vào cuối năm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp của chương trình.

Tình trạng thiếu nhân lực chuyên môn thực hiện công tác giảm nghèo sau điều chuyển nhiệm vụ của ngành Nông nghiệp và Môi trường, việc bố trí cán bộ ở một số xã chưa đúng với nhiệm vụ được phân công, bên cạnh đó khối lượng công việc hiện nay sau sắp xếp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tương đối lớn, cán bộ mới chưa nắm bắt kịp công việc đang triển khai, dẫn đến một số xã, phường lúng túng, chậm thực hiện.

2.4. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Hiện nay, các xã xây dựng nông thôn mới vẫn tập trung chủ yếu vào đầu tư hạ tầng, trong khi các nội dung về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, văn hóa, môi trường chưa được chú trọng nên thiếu đồng bộ. Công tác giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn còn thiếu giải pháp hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo cao; đào tạo nghề và chuyển dịch lao động nông thôn chậm, làm ảnh hưởng tiến độ hoàn thành tiêu chí.

Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 còn bất cập, phân công chưa rõ ràng, cán bộ biến động nhiều và kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao. Nguồn lực trung ương và tỉnh bố trí còn hạn chế trong khi bộ tiêu chí giai đoạn mới yêu cầu cao, đặc biệt với các xã khó khăn.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã (từ 01/7/2025), việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình bị ảnh hưởng: các xã lúng túng trong triển khai dự án, mô hình, nhất là nội dung về môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch; một số chính sách, định mức chi thay đổi cần điều chỉnh; kế hoạch xã đạt chuẩn và nâng cao phải rà soát lại. Do thay đổi đơn vị hành chính, tỉnh phải dừng triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao năm 2025, đồng thời điều chỉnh kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 (theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh); tạm dừng mô hình xã nông thôn mới thông minh tại xã Phước Quang (là xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023).

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban ngành tỉnh, các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và sự đồng lòng của người dân là cơ sở, tiền đề để triển khai nhanh, hiệu quả các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể trên địa bàn để tổ chức thực hiện; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG đến toàn thể cán bộ và nhân dân toàn tỉnh; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng để huy động cả hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn cùng tham gia.

Thứ tư, phân bổ nguồn lực ưu tiên có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện hoàn thành các tiêu chí, dự án góp phần thực hiện nhanh và hiệu quả các Chương trình MTQG.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình của cấp xã, qua đó kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; đồng thời chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế.

IV. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Định hướng thực hiện các Chương trình MTQG trong thời gian tới

1.1. Mục tiêu

1.1.1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các DTTS; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào DTTS&MN so với vùng khác. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, thực chất, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông thôn xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là vùng khó khăn, biên giới, xã đảo.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Thu nhập: Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2020; trong đó, thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Giảm nghèo: Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1 đến 1,5%/năm, tỷ lệ nghèo đa chiều ở xã nghèo giảm ít nhất 3%/năm; giảm hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều vùng DTTS&MN xuống dưới 10%. Phấn đấu 100% số xã nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo; cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; kiểm soát chặt nguy cơ tái nghèo.

- Cơ cấu lao động: Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng

dân tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Có 40% trở lên lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Kinh tế hộ: Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Hạ tầng: Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Giải quyết cơ bản một số vấn đề bức thiết, quan trọng trên địa bàn gồm: (1) Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; (2) Đảm bảo đủ hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là cơ sở vật chất trường, lớp học để đáp ứng mục tiêu dạy và học miễn phí 2 buổi/ngày; (3) 100% người DTTS, người nghèo có bảo hiểm y tế và được tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản miễn phí.

- Xây dựng nông thôn mới: Có ít nhất 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, phần đầu 70% số xã vùng DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030; có khoảng 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận xã đạt nông thôn mới hiện đại theo khung thí điểm của trung ương và các tiêu chí cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1.2.1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Năm 2025 là năm cuối giai đoạn thực hiện các Chương trình MTQG và thời gian đến cuối năm không còn nhiều, vì vậy để triển khai hiệu quả các Chương trình MTQG các cơ quan, đơn vị của tỉnh cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau: Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện chương trình, gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của 7 chương trình với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Tập trung dồn đốc tiến độ thực hiện các công trình, dự án đang triển khai, thường xuyên cập nhật báo cáo tiến độ thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương. Thực hiện tốt việc người dân tham gia giám sát và khai thác công trình. MTTQ và các đoàn thể tăng cường giám sát, phản ánh vướng mắc trong quá trình triển khai; kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích và xử lý nghiêm vi phạm trong quá trình triển khai.

1.2.2. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN: Tập trung hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng thiết yếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và công trình nước sinh hoạt tập trung; đẩy nhanh các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân vùng DTTS&MN. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ tiếp xúc trực tiếp với đồng bào DTTS.

1.2.3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Đẩy mạnh phân

cấp, trao quyền cho địa phương, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong lập kế hoạch, thực hiện và giám sát. Áp dụng cơ chế đặt hàng để xây dựng, nhân rộng mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp và đa dạng hóa sinh kế; thực hiện hỗ trợ theo nhóm tự nguyện có đối ứng và có cơ chế luân chuyển một phần kinh phí Nhà nước. Tăng cường đào tạo nghề cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các cấp có thẩm quyền sớm thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ sản xuất để tạo sinh kế.

1.2.4. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 và giai đoạn 2021–2025 phù hợp bối cảnh và thực tiễn mới. Phát triển NTM cấp thôn theo hướng dựa vào nội lực cộng đồng; đẩy mạnh giảm nghèo đa chiều, hỗ trợ sinh kế và phòng ngừa tái nghèo. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, gắn với lợi thế vùng. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống giám sát – đánh giá trực tuyến cho chương trình.

1.3. Nguồn lực thực hiện⁷

Tổng kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 là: 20.561,64 tỷ đồng, cụ thể:

* Ngân sách trung ương phân bổ: 14.801,05 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 11.236,98 tỷ đồng;
- Vốn sự nghiệp: 3.564,07 tỷ đồng.

* Ngân sách địa phương đối ứng: 5.755,18 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 4.200,87 tỷ đồng;
- Vốn sự nghiệp: 1.554,3 tỷ đồng.

* Vốn hợp pháp khác: 5,4 tỷ đồng.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG trong giai đoạn tiếp theo (*trên cơ sở nội dung 03 Chương trình MTQG: Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MT*);

2.2. Các bộ, ngành liên quan sớm hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện khắc phục những khó khăn, vướng mắc tại các nội dung, tiểu dự án, dự án đã có nhiều đề xuất điều chỉnh trong thực tiễn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, nhằm giúp các địa phương có thể triển khai ngay từ năm 2026.

2.3. Kiến nghị các bộ, ngành Trung ương và Chính phủ sớm phân bổ vốn hàng năm, giao kế hoạch vốn từ đầu năm để địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, phân bổ và tổ chức thực hiện.

⁷ Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 13/11/2025 về xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 của UBND tỉnh

2.4. Quy định cơ cấu, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh nhằm thực hiện đồng bộ trên phạm vi cả nước.

2.5. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm quy định chuẩn nghèo và người lao động có thu nhập thấp cho giai đoạn 2026-2030 thay thế Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho từng thời kỳ; kịp thời ban hành chính sách, dự án nhằm hỗ trợ cho nhóm đối tượng yếu thế để đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn 2026-2030.

2.6. Kính đề nghị các bộ, ngành liên quan trình các cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh tăng mức hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn (*tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ*); Sửa đổi cơ chế để Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được thụ hưởng chương trình (*theo quy định hiện hành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp*); Xem xét nâng định mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán (*tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính*) để hộ nghèo có điều kiện thực hiện, ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất; Mở rộng đối tượng bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho toàn bộ giáo viên, y tế, cán bộ và hệ thống đoàn thể thôn, bản thuộc vùng DTTS và miền núi, đồng thời có cơ chế cập nhật cho học viên đã bồi dưỡng trước đây.

2.7. Kiến nghị các bộ, ngành Trung ương nâng cấp, điều chỉnh và hoàn thiện Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, đánh giá tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện 03 Chương trình MTQG trong giai đoạn sau theo hướng thân thiện với người sử dụng; có tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc ứng dụng phần mềm cho cán bộ thực hiện công tác tại địa phương nhằm đảm bảo theo dõi thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong bối cảnh rất nhiều đơn vị được phân giao vốn và cùng tham gia triển khai.

Phần II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

1. Hoạt động của các tổ chức tín dụng góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của Thống đốc NHNN Việt Nam về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng, trong năm 2024 và 11 tháng đầu năm 2025, các Tổ chức tín dụng trên địa bàn bám sát các văn bản chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước: chấp hành nghiêm các quy định,

chỉ đạo về tiền tệ, ngoại hối, hoạt động ngân hàng và các chỉ tiêu kế hoạch được giao; thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng tại các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kịp thời, minh bạch, đúng đối tượng.

Đến 30/11/2025, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn toàn tỉnh đạt gần 241.900 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng hỗ trợ cho vay trên địa bàn các xã, góp phần xây dựng nông thôn mới đạt 60.405 tỷ đồng; 01 tháng đầu năm 2025, nguồn lực bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia huy động từ các tổ chức tín dụng đạt 17.940 tỷ đồng.

2. Hoạt động tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

2.1. Công tác tuyên truyền chính sách tín dụng

Tập trung tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội; về vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; về quyền lợi và trách nhiệm của các đối tượng trong thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định⁸.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội đã thực hiện nghiêm túc việc tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể hội viên và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội; theo chức năng nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả; thông qua công tác tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội, nhận thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và mọi người dân được nâng lên rõ rệt, tạo được sự thống nhất trong nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai tín dụng chính sách xã hội.

2.2. Công tác tham mưu và ban hành các văn bản hướng dẫn các cấp triển khai

- Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày

⁸ Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình MTQG; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030; Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW.

14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

- Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 23/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Báo cáo số 377-BC/TU ngày 23/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Thông báo số 1517-TB/TU ngày 06/8/2024 về ý kiến kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Bình Định (trước đây): Kế hoạch 122-KH/TU ngày 20/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW; Gia Lai (trước đây): Kế hoạch số 309-KH/TU ngày 17/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư.

- Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 về việc quy định cho vay hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

- Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh về việc xoá nợ cho các đối tượng vay vốn từ nguồn ngân sách tỉnh thác qua chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định bị rủi ro do nguyên nhân khách quan năm 2024 cho 16 món vay, với số tiền 248 triệu đồng.

- Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh về thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 04/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2025; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn 77 xã, phường phía Tây Gia Lai năm 2025 và các Thông báo kết luận về công tác giảm nghèo⁹.

- Văn bản số 1150/UBND-TH ngày 20/02/2024 về việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế đặc thù các chương trình MTQG theo Nghị quyết số 111/2024/QH15; Văn bản số 539/UBND-VX ngày 22/01/2024 của

⁹ Thông báo Kết luận số 81/TB-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về giải pháp giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh; số 112/TB-UBND ngày 20/3/2024 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về triển khai thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến; số 188/TB-UBND ngày 10/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị triển khai công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025; số 324/TB-UBND ngày 16/8/2024 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh; số 123/TB-UBND ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình triển khai công tác giảm nghèo trên địa bàn 77 xã, phường phía Tây của tỉnh Gia Lai; số 205/TB-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh sau khi khảo sát, làm việc với các xã biên giới.

UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 1270- TB/TU ngày 10/01/2024 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 16/BDD-HĐQT ngày 05/3/2024 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh về việc rà soát đối tượng vay vốn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Công văn số 15/BDD-HĐQT ngày 04/8/2025 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh về việc rà soát đối tượng vay vốn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu vốn, công cụ, phương tiện sản xuất để kịp thời cho vay, góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

2.3. Công tác phối hợp rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng và phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách

Hàng năm kịp thời tham mưu cấp thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan, ban ngành có liên quan phối hợp thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác để triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo bền vững hàng năm, các chương trình MTQG và các chương trình, đề án về giải quyết việc làm gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh. Căn cứ các Quyết định phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, Kế hoạch giảm nghèo và Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh, chỉ đạo NHCSXH chủ động tham mưu, phối hợp công tác điều tra, rà soát, xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn để triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội gắn với chương trình giảm nghèo bền vững hàng năm, các chương trình MTQG và các chương trình, đề án về giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

2.4. Phân bổ nguồn lực thực hiện

Trong những năm qua, nguồn vốn trên địa bàn không ngừng tăng trưởng, ngày càng đáp ứng được tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Cơ cấu nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã có sự chuyển biến theo hướng tăng nguồn vốn huy động thị trường được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và nguồn vốn nhận ủy thác địa phương. Đến ngày 30/11/2025, tổng nguồn vốn đạt 16.436 tỷ đồng, tăng 2.904 tỷ đồng so với đầu năm 2024, tỷ lệ tăng 21,4%. Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 12.472 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,9%/tổng nguồn vốn, tăng 1.724 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 16% so với đầu năm 2024;

- Nguồn vốn huy động được trung ương cấp bù lãi suất đạt 2.126 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,9% tổng nguồn vốn, tăng 365 tỷ đồng, tỷ lệ tăng là 20,7% so với đầu năm 2024. Trong đó: Huy động từ tổ chức, cá nhân là 1.356 tỷ đồng, tăng 311 tỷ đồng, tỷ lệ tăng là 29,7% so với đầu năm 2024.

- Nguồn vốn ủy thác tại địa phương đạt 1.837,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,2%/tổng nguồn vốn, tăng 815,5 tỷ đồng so với đầu năm 2024, tỷ lệ tăng là 79,8%.

Nhằm tiếp tục bố trí nguồn lực đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn cho

người nghèo và các đối tượng chính sách để thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Ngày 07/8/2025, Bí thư Tỉnh ủy Thông báo kết luận số 111-TB/TU ngày 07/8/2025 phiên họp Ban Chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh; theo đó, cân đối, bố trí 2.000 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 và các nguồn vốn hợp pháp khác ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng khác. Bên cạnh đó, nhằm tiếp tục tạo nguồn lực, đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực tạo lập, bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Thư ngỏ tham gia hưởng ứng cuộc vận động "Gửi tiền tiết kiệm chung tay vì người nghèo" và văn bản số 7173/UBND-KGVX ngày 28/11/2025 về hưởng ứng cuộc vận động "Huy động tiền gửi tiết kiệm chung tay vì người nghèo" trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ nguồn vốn được giao và quay vòng, tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phân bổ nguồn vốn kịp thời cho các địa phương, trong đó tập trung nguồn lực tại vùng nghèo, lõi nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn,... góp phần thực hiện tốt các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

2.5. Kết quả thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội đến 31/12/2024 và đến 30/11/2025 (nguồn vốn Trung ương và địa phương)

2.5.1. Kết quả thực hiện các chương trình tín dụng

Hiện nay, toàn tỉnh đã và đang triển khai cho vay trên 15 chương trình tín dụng chính sách. Từ đầu năm 2024 đến nay, doanh số cho vay đạt 9.905 tỷ đồng, với hơn 181 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 7.025 tỷ đồng. Đến ngày 30/11/2025, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 16.390 tỷ đồng, tăng 2.877 tỷ đồng so với đầu năm 2024, tỷ lệ tăng trưởng là 21,3%, với hơn 259 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách còn dư nợ, bình quân một hộ dư nợ đạt 63,3 triệu đồng; người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp. Dư nợ một số chương trình phục vụ cho chương trình MTQG như:

(1) *Chương trình tín dụng hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP)*: Dư nợ đạt 1.659 tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng dư nợ, với hơn 32 nghìn hộ đang còn dư nợ; doanh số cho vay từ đầu năm 2024 đến nay đạt 707 tỷ đồng với hơn 13 nghìn lượt hộ nghèo được vay vốn. Chương trình đã tập trung được nguồn lực của Nhà nước để cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống và từng bước vươn lên thoát nghèo.

(2) *Chương trình tín dụng hộ cận nghèo*: Dư nợ đạt 2.005 tỷ đồng, chiếm 12,2% tổng dư nợ với hơn 36 nghìn hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 930 tỷ đồng với gần 16 nghìn lượt hộ cận nghèo được vay vốn; đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ cận nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, giảm nguy cơ tái nghèo.

(3) *Chương trình tín dụng hộ mới thoát nghèo*: Dư nợ đạt 1.399 tỷ đồng, chiếm 8,5% tổng dư nợ với hơn 24 nghìn hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 774 tỷ đồng với hơn 11 nghìn lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn. Chương trình đã

giúp cho hộ mới thoát nghèo có vốn để tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

(4) *Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn*: Dư nợ đạt 1.363 tỷ đồng, chiếm 8,3% tổng dư nợ với gần 20 nghìn khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 757 tỷ đồng, với hơn 8 nghìn lượt học sinh, sinh viên được vay vốn đi học. Chương trình có ý nghĩa nhân văn sâu sắc cả về kinh tế, chính trị và xã hội, tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành, cộng đồng xã hội, góp phần tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

(5) *Chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: Dư nợ đạt 2.691 tỷ đồng, chiếm 16,4% tổng dư nợ với hơn 102 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 2.048 tỷ đồng với hơn 58 nghìn lượt hộ được vay vốn; với việc vay vốn để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các mô hình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường đã hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, bệnh tật do sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

(6) *Chương trình cho vay giải quyết việc làm*: Dư nợ đạt 4.368 tỷ đồng, chiếm 26,7% tổng dư nợ với gần 85 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 3.212 tỷ đồng với gần 56 nghìn lượt khách hàng được vay vốn; đây là chương trình tín dụng có dư nợ lớn nhất trong các chương trình tín dụng chính sách xã hội đang triển khai thực hiện; chương trình đã giúp cho gần 56 nghìn lao động có việc làm, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, thực hiện Chương trình MTQG về giảm nghèo, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

(7) *Chương trình nhà ở xã hội*: Dư nợ đạt 1.098 tỷ đồng, chiếm 6,7% tổng dư nợ, với 2.758 khách hàng còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 478 tỷ đồng. Với nguồn vốn này, đã giúp cho 854 người được tiếp cận vốn để ổn định cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu về nhà ở cho người thu nhập thấp của tỉnh.

(8) *Chương trình tín dụng đối với vùng khó khăn*: Dư nợ đạt 1.348 tỷ đồng, chiếm 8,2% tổng dư nợ với gần 27 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 783 tỷ đồng với hơn 13 nghìn lượt hộ được vay vốn; góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng trong cả nước, làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội, góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của nhân dân tại vùng khó khăn.

(9) *Các chương trình cho vay dành riêng cho đồng bào DTTS (cho vay theo QĐ 32/2007, QĐ 54/2012, QĐ 755/QĐ-TTg, QĐ 2085/2016, NĐ 28/2022)*: Doanh số cho vay đạt 51 tỷ đồng với hơn 1.300 lượt khách hàng được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 48 tỷ đồng; dư nợ đạt 224 tỷ đồng, chiếm 1,4% tổng dư nợ với 5.042 hộ còn dư nợ. Chương trình đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, ổn định chỗ ở, hỗ trợ cho đồng bào DTTS phát triển sản xuất kinh doanh, tạo thu nhập ổn định, thúc đẩy đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Trong đó, chương trình cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (có hiệu lực từ 15/8/2022): Dư nợ đạt 211 tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng dư nợ với 4.710 hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 51 tỷ đồng, với 1.300 lượt hộ được vay vốn. Nguồn vốn này đã giúp cho 996 hộ chuyển đổi

nghề, 8 hộ hỗ trợ đất ở, 3.592 hộ trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

- Chất lượng tín dụng tiếp tục được củng cố và nâng cao, đến 30/11/2025, nợ quá hạn và nợ khoanh là 19,8 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,12%. Trong đó: Nợ quá hạn là 8.854 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,05%/tổng dư nợ, giảm 0,01% với đầu năm 2024.

2.5.2. Kết quả cho vay các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia đến 30/11/2025:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dư nợ đối với đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo góp phần thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững đạt 5.973 tỷ đồng, chiếm 36,4% tổng dư nợ, với 99.079 hộ đang còn dư nợ.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: dư nợ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đạt 13.536 tỷ đồng, chiếm 82,7% tổng dư nợ, với hơn 226 ngàn hộ còn dư nợ. Trong đó, dư nợ tập trung vào một số lĩnh vực chính như: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 5.319 tỷ đồng (chiếm 37,4%); cho vay tiêu dùng trên địa bàn nông thôn (xây nhà ở; cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường; giáo dục và đào tạo;...) là 3.284 tỷ đồng (chiếm 23,1%); ngành công nghiệp, thương mại và cung ứng dịch vụ phi nông nghiệp là 3.887 tỷ đồng (chiếm 27,3%); cho vay khác là 38 tỷ đồng (chiếm 0,21%).

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: dư nợ đạt 7.165 tỷ đồng, chiếm 43,7%/tổng dư nợ, với 128.701 hộ còn dư nợ. Trong đó, dư nợ đối với đối tượng vay vốn là hộ dân tộc thiểu số đạt 4.957 tỷ đồng, với 96.081 hộ còn dư nợ, chiếm 30,2%/tổng dư nợ; dư nợ bình quân 01 hộ dân tộc thiểu số đạt 52 triệu đồng.

II. VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN

- Nguồn lực để thực hiện một số chương trình tín dụng chính sách còn hạn chế so với nhu cầu vay vốn của các đối tượng chính sách trên địa bàn; nhất là tại một số chương trình tín dụng có nhu cầu lớn như chương trình cho vay giải quyết việc làm.

- Tình hình thiên tai bão lũ và dịch bệnh xảy ra trên vật nuôi, cây trồng diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân, nhất là hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn. Một số hộ dân bị thiệt hại do cơn bão số 13 và đợt mưa lũ lớn chưa có khả năng trả nợ, đang tổng hợp đề nghị xử lý nợ rủi ro.

- Một số địa phương còn tình trạng hộ vay chưa chấp hành nghĩa vụ khi vay vốn, đi khỏi địa phương, lẩn tránh nợ,... dẫn đến chất lượng tín dụng chưa đồng đều tại một số vùng, một số địa phương.

- Tỷ trọng nguồn vốn ngân sách địa phương/tổng nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn tuy đã tăng qua năm các năm (đến nay đạt 11,2%) song vẫn còn thấp so với bình quân chung toàn quốc (15,9%).

III. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu thực hiện

Tranh thủ sự chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, quyết liệt, sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự nỗ lực của các cấp, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân toàn tỉnh tăng cường huy động nguồn lực tín dụng góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, duy trì sự ổn định, phát triển bền vững, toàn diện trên mọi lĩnh vực kinh tế-xã hội trên địa bàn.

Tiếp tục tập trung nguồn lực và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện thành công các Chương trình MTQG và Kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn. Quan tâm phát triển NHCSXH theo hướng ổn định, bền vững, bảo đảm thực hiện tốt chính sách tín dụng của Đảng, Chính phủ, phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ ngày càng có hiệu quả hơn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác. 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện vay vốn đều được vay vốn các chương trình tín dụng. Dư nợ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt khoảng trên 10%. Tỷ lệ nợ quá hạn thấp hơn mức bình quân chung của toàn quốc.

2. Kế hoạch triển khai thực hiện

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 và Quyết định số 1560/QĐ-TTg; các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo về hoạt động tín dụng chính sách; nâng cao vai trò, trách nhiệm và hoạt động hiệu quả của cấp ủy chính quyền địa phương các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội, xác định nhiệm vụ chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch, hoạt động thường xuyên của tỉnh. Tiếp tục bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác để bổ sung cho vay hộ nghèo, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, nhà ở xã hội, cấp nước sạch vệ sinh môi trường và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; hỗ trợ về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho hoạt động của NHCSXH tại các địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tín dụng chính sách xã hội phù hợp với thực tiễn và đặc thù địa phương; trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách cụ thể (đối tượng, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay) và bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để thực hiện chính sách.

- Tập trung nguồn lực cho NHCSXH để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh giai đoạn 2026- 2030 để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH đến năm 2030 chiếm 15%/tổng nguồn vốn tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong thời gian tới.

- Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội được giao, đảm bảo nguồn vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng, hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và hoàn trả vốn vay đúng hạn; phối hợp hiệu quả giữa các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm với hoạt động tín dụng chính sách; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để ổn định và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời cho NHCSXH. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Ban Đại diện và hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; gắn hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ với việc nâng cao khả năng cảnh báo sớm rủi ro, phát hiện, xử lý kịp thời, triệt để các tồn tại, hạn chế phát sinh.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục phát huy vai trò, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt công tác nhận ủy thác của NHCSXH và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục đẩy mạnh phối hợp triển khai mở rộng các cuộc vận động “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” nhằm cùng chung tay tạo lập nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và NHCSXH trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, giới thiệu và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh mới, hiệu quả kinh tế cao.

- Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hiệu quả.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành

Xem xét, điều chỉnh nâng mức cho vay, tăng thời hạn cho vay, bổ sung một số đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội phù hợp với mục tiêu các chương trình MTQG và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đề nghị nâng mức cho vay đối với chương trình cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ 100 triệu đồng lên 200 triệu đồng, không phải thực hiện thế chấp tài sản bảo đảm.

2. Đối với NHCSXH Trung ương

Đề nghị tiếp tục quan tâm ưu tiên về nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Tiếp tục quan tâm bố trí vốn của Trung ương theo Kế hoạch của tỉnh xây dựng hàng năm.

3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH các cấp

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH tăng cường vai

trò, trách nhiệm tham gia thực hiện tín dụng chính sách xã hội theo chỉ đạo tại Chỉ thị 39-CT/TW và Quyết định 1560/QĐ-TTg ngày của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, cụ thể:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác, nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Các tổ chức CT-XH tỉnh tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động nhận uỷ thác từ NHCSXH; phối hợp chặt chẽ với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; tư vấn, hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình MTQG, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh kính báo cáo Đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 để theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC; NN&MT, DT&TG;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4, V4.

[Signature]

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Dương Mah Tiệp**

[Signature]